

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 28-4-2017
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
chia tài sản khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Biên
2. Bà Nguyễn Thị Minh Hà

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Hoàng Trần Trọng An-Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 77/2016/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 06 năm 2016 về tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử 315/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thùy D, sinh năm 1989; địa chỉ: Số 6Đ38, phường D, quận N, thành phố Hải Phòng;
2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn C, sinh năm 1983; địa chỉ: 132 S, CANAĐA.

Chị D có mặt, anh Nguyễn C vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn là chị Lê Thùy D trình bày: Chị và anh Nguyễn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn ngày 29 tháng 01 năm 2010 tại Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn được một tuần thì anh Nguyễn C trở về CANAĐA. Khoảng 02 năm đầu anh chị vẫn thư từ qua lại sau đó chị không liên lạc được với anh Nguyễn C. Đến nay đã 04 năm chị không có tin tức gì của anh Nguyễn C. Chị không còn tình cảm với anh Nguyễn C nên chị xin ly hôn với anh. Về con chung và tài sản chung: Anh chị không có con chung và tài sản chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn C là người nước ngoài đang ở nước ngoài nên sau khi thụ lý, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành ủy thác tư pháp cho cơ quan có

thẩm quyền của CANADA để tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và tiến hành lấy lời khai đối với anh Nguyễn C, thông báo thời gian tiến hành phiên họp công khai, tiếp cận chứng cứ và hòa giải, thông báo thời gian mở phiên tòa nhưng không có kết quả.

Tại phiên tòa, chị Lê Thùy D có mặt vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn với anh Nguyễn C, con chung tài sản chung không có nên chị không yêu cầu tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, về tổng đạt văn bản tố tụng của Tòa án, về xác minh thu thập chứng cứ, về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn đã được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Theo công văn số 1247/BTP-PLQT ngày 04/5/2017 của Bộ Tư pháp thì anh Nguyễn C đã được cơ quan có thẩm quyền thông báo và niêm yết thông báo thụ lý, thời gian mở phiên tòa nhưng không có kết quả, tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết. Đã 03 năm nay chị D và anh Nguyễn C không liên lạc với nhau, tình cảm thực sự không còn, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D. Con chung, tài sản chung không có nên Hội đồng xét xử không phải xem xét. Chị D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, lời khai của đương sự, quan điểm của Viện Kiểm sát tại phiên tòa, xét thấy:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Lê Thùy D và anh Nguyễn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng ngày 28 tháng 01 năm 2010, theo quy định tại Điều 9, Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2000 đây là hôn nhân hợp pháp. Anh Nguyễn C hiện đang cư trú ở nước ngoài, theo quy định tại Khoản 3 Điều 35; Điểm c Khoản 1 Điều 40; Điểm d Khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Tòa án đã tiến hành ủy thác tư pháp để tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và tiến hành lấy lời khai đối với anh Nguyễn C, thông báo thời gian tiến hành phiên họp công khai, tiếp cận chứng cứ và hòa giải, thông báo thời gian mở phiên tòa. Hồi 08 giờ ngày 28/3/2017, Tòa án đã hoãn phiên tòa do không nhận được văn bản thông báo kết quả tổng đạt cũng như lời khai, tài liệu của anh Nguyễn C và có văn bản đề nghị Bộ Tư pháp thông báo về việc thực hiện tổng đạt văn bản tố tụng của Tòa án cho anh Nguyễn C. Ngày 17/4/2017 Tòa án đã nhận được công văn số 1247/BTP-PLQT ngày 05/4/2017 của Bộ Tư pháp thông báo về việc gửi thông báo và niêm yết hồ sơ ủy thác tư pháp cho anh Nguyễn C nhưng không thấy anh Nguyễn C đến nhận hồ sơ tổng đạt. Căn cứ Khoản 4, Điểm c Khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn C.

Về quan hệ hôn nhân: Từ sau khi kết hôn được một tuần, anh Nguyễn C trở về CANADA, anh chị chỉ liên lạc với nhau bằng thư từ, điện thoại, sau 02 năm chị Lê Thùy D không liên lạc được với anh Nguyễn C. Thời gian từ khi chị Lê Thùy D không có tin tức gì của anh Nguyễn C đến nay đã hơn 04 năm. Như vậy trên thực tế giữa chị Lê Thùy D và anh Nguyễn C không có cuộc sống vợ chồng từ nhiều năm nay, việc chị Lê Thùy D xác định không còn tình cảm với anh Nguyễn C và xin ly hôn là hoàn toàn chính đáng. Vì vậy cần áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận đề nghị ly hôn của chị Lê Thùy D.

Về con chung và tài sản chung: Theo lời khai của chị Lê Thùy D thì chị và anh Nguyễn C không có con chung và tài sản chung nên chị không yêu cầu tòa án giải quyết, do vậy tòa án không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thùy D là nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Về phí ủy thác tư pháp: Chị Lê Thùy D phải chịu phí ủy thác tư pháp theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo đối với bản án: Chị Lê Thùy D, anh Nguyễn C được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Khoản 3 Điều 35; Điểm c Khoản 1 Điều 40; Khoản 4 Điều 147; Khoản 2 Điều 207; Khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 266; Khoản 1 Điều 273; Điểm d Khoản 1 Điều 469; Khoản 4, Điểm c Khoản 5 Điều 477; Khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Khoản 8 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 về Án phí, Lệ phí Tòa án ngày 27/02/2009 của UBTVQH khóa 12;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thùy D.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thùy D được ly hôn với anh Nguyễn C.

- Về con chung và tài sản chung: Chị Lê Thùy D trình bày anh chị không có con chung và tài sản chung, không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thùy D phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 200.000 đồng theo biên lai số 0008474 ngày 23 tháng 6 năm 2016 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị D đã nộp đủ.

- Về phí ủy thác tư pháp: Chị Lê Thùy D phải chịu 150.000 đồng phí ủy thác tư pháp để tổng đạt Thông báo thụ lý, lấy lời khai của anh Nguyễn C, thông báo thời gian mở phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như thời gian mở phiên tòa và 200.000 đồng lệ phí ủy thác tư pháp để tổng đạt bản án cho anh Nguyễn C. Chị Lê Thùy D được trừ số tiền tạm ứng lệ phí 150.000 đồng đã

nộp theo biên lai số 0003555 ngày 11/7/2016 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Lê Thùy D còn phải nộp 200.000 đồng.

- Về quyền kháng cáo đối với bản án:

+ Chị Lê Thùy D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

+ Anh Nguyễn C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp, TP Hải Phòng;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: TDS, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thu Hương